

BÁO CÁO THÔNG KÊ CHƯƠNG TRÌNH SÀNG LỌC SƠ SINH

Thời gian báo cáo: Từ ngày 01/10/2018 đến 31/10/2018

Đơn vị: BV Phụ Sản Tâm Phúc

(Lưu ý: Báo cáo thống kê có giá trị tại thời điểm xuất báo cáo ngày 07/12/2018)

I - CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN

STT	Thông tin	Số lượng	Tị lệ		
1	Tổng số mẫu	191			
2	Giới tính				
	Nam	97			
	Nîr	94			
	Nam/Nîr	1.0	3		
3	Phương pháp sinh				
	Sinh mổ	136	71%		
	Sinh thường:	55	29%		
	N/A	0	00%		
4	Tuổi mẹ khi sinh (Chi tiết tại Trang 2)				
	Dưới 18 tuổi	0	00%		
	Từ 18 đến 35 tuổi	169	88%		
	Trên 35 tuổi	22	12%		
5	Sinh con thứ 3 trở lên (Dựa vào Para)				
	Sinh con thứ 3	20	10%		
	Sinh con thứ 4	3	02%		
	Sinh con thứ 5 trở lên	0	00%		
6	Cân nặng trẻ (g)				
	< 2500	2	01%		
	2500 ≤ X < 3000	43	23%		
	3000 ≤ X < 3500	101	53%		
	3500 ≤ X < 4000	42	22%		
	4000 ≤ X < 5000	3	02%		
	≥ 5000	0	00%		
7	Gói xét nghiệm				
	2 bệnh	0	00%		
	3 bệnh	0	00%		
	5 bệnh	191	100%		
	2 bệnh + Hemo	0	00%		
	3 bệnh + Hemo	0	00%		
	5 bệnh + Hemo	0	00%		
8	Chương trình sàng lọc				
	Quốc gia	0	00%		
	Xã hội hóa	191	100%		
	Demo	0	00%		



BÁO CÁO THÔNG KÊ CHƯƠNG TRÌNH SÀNG LỌC SƠ SINH

Thời gian báo cáo: Từ ngày 01/10/2018 đến 31/10/2018

Đơn vị: BV Phụ Sản Tâm Phúc

(Lưu ý: Báo cáo thống kê có giá trị tại thời điểm xuất báo cáo ngày 07/12/2018)

	I - CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN								
STT	Thông tin	Nguy cơ thấp L1 (Mẫu thu lần 1)	Nguy cơ cao L2 (Mẫu thu lần 1)	Tổng (Mẫu thu lần 1)	Nguy cơ thấp L2 (Mẫu thu lần 2)	Nguy cơ cao L2 (Mẫu thu lần 2)	Tổng (Mẫu thu lần 2)		
1	Cân nặng trẻ (g)	185	6	191	0	4	4		
	< 2500	2	0	2	0	0	0		
	$2500 \le X < 3000$	41	0	43	0	1	1		
•••••	$3000 \le X < 3500$	97	0	101	0	3	3		
•••••	$3500 \le X < 4000$	42	0	42	0	0	0		
•••••	$4000 \le X < 4500$	2	0	2	0	0	0		
•••••	$4500 \le X < 5000$	1	0	1	0	0	0		
•••••	≥ 5000	0	0	0	0	0	0		
2	Tuổi mẹ	185	6	191	0	4	4		
	13	0	0	0	0	0	0		
	14	0	0	0	0	0	0		
•••••	15	0	0	0	0	0	0		
•••••	16	0	0	0	0	0	0		
	17	0	0	0	0	0	0		
	$18 \le X \le 20$	2	0	2	0	0	0		
	$20 \le X < 25$	48	0	49	0	1	1		
	$25 \le X < 30$	69	0	71	0	1	1		
	$30 \le X < 35$	44	0	47	0	2	2		
	$35 \le X < 40$	17	0	17	0	0	0		
	40 ≤ X<45	5	0	5	0	0	0		
	≥ 45	0	0	0	0	0	0		
3	Dân tộc	185	6	191	0	4	4		
	Kinh	184	6	190	0	4	4		
	Khác	0	0	0	0	0	0		
	Ba na	0	0	0	0	0	0		
	Bố y	0	0	0	0	0	0		
	Brâu	0	0	0	0	0	0		
	Cao Lan	0	0	0	0	0	0		
*******	Chăm	0	0	0	0	0	0		
	Chơ ro	0	0	0	0	0	0		
	Chu ru	0	0	0	0	0	0		
	Chứt	0	0	0	0	0	0		
******	Cill	0	0	0	0	0	0		
	Со	0	0	0	0	0	0		
							Trang 2		

Cơ ho	0	0	0	0	0	0
Cờ lao	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	0	0	0	0	0
Cống		0	0	0	0	0
Dao	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	0	0	0	0	0
Ê đê		0	0	0	0	0
Gia rai		0	0	0	0	0
Giấy		0	0	0	0	0
Gié triêng		0	0	0	0	0
H mông	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	0	0	0	0	0
H rê	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	0	0	0	0	0
Hà nhì	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	0	0	0	0	0
Ноа	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	0	0	0	0	0
K tu		0	0	0	0	0
Kháng	0	0	0	0	0	0
Khơ me	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	0	0	0	0	0
Khơ mú		0	0	0	0	0
La chí	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	0	0	0	0	0
La ha	0	0	0	0	0	0
La hù	0	0	0	0	0	0
Lào	0	0	0	0	0	0
Lô lô	0	0	0	0	0	0
Lự	0	0	0	0	0	0
M nông	0	0	0	0	0	0
Mą	0	0	0	0	0	0
Mäng	0	0	0	0	0	0
Mường	0	0	0	0	0	0
Ngái	0	0	0	0	0	0
Nùng	0	0	0	0	0	0
O đu	0	0	0	0	0	0
Pà th ể n	0	0	0	0	0	0
Phù lá	0	0	0	0	0	0
Pu péo	0	0	0	0	0	0
Rag lai	0	0	0	0	0	0
Rơ man	0	0	0	0	0	0
Sán chay	0	0	0	0	0	0
Sán dìu	0	0	0	0	0	0
Si la	0	0	0	0	0	0
Tà ôi	0	0	0	0	0	0
Tày	0	0	0	0	0	0
Thái	1	0	1	0	0	0
Thổ	0	0	0	0	0	0
Vân kiều	0	0	0	0	0	0
X tiêng	0	0	0	0	0	0
						Trang 3

Xinh mun	:	0	0	0	0	0
Xơ đăng		0	0	0	0	0